

Số: 143 /BC-PLVĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THUỞNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103143; đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 06/8/2025;
- Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
- Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội;
- Số điện thoại: 0243.6884489/6885174;
- Số fax: 0243.6884277;
- Website: vandienfmp.vn;
- Mã cổ phiếu: VAF
- Quá trình hình thành và phát triển:
- Từ năm 1963 đến năm 2009: Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Từ 01/01/2010 đến nay: Là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn;
- Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:
- + Ngày niêm yết có hiệu lực: 21/5/2015;
- + Ngày chính thức giao dịch: 23/6/2015.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân NPK;
- Địa bàn kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Trong nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc điều hành.
- 3.2. Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc điều hành.
- 3.3. Các công ty con, công ty liên kết: không có
4. Định hướng phát triển
- 4.1. Mục tiêu chính của Công ty
- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước-Cổ đông-Người lao động.
- 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:
- Chú trọng nhân tố con người;
 - Tập trung đầu tư khoa học công nghệ, không ngừng tăng năng suất lao động, năng suất máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo môi trường;
 - Nâng công suất sản xuất, đạt 500.000 tấn lân nung chảy/năm;
 - Sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
 - Giữ vững và phát triển thị trường trong nước; từng bước mở rộng thị trường nước ngoài.
- 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty
- Thực hiện đúng các quy định về môi trường; tuyên truyền, giáo dục người lao động để cải thiện môi trường;
 - Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện;
 - Đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần, thực hiện đúng các chế độ đối với người lao động.
5. Các rủi ro
- Rủi ro về cơ chế, chính sách của Nhà nước: Cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón... (quy hoạch, cơ cấu ngành nông nghiệp, thuế, xuất nhập khẩu, xử lý phân bón rơm rạ, ...) có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Rủi ro về thiên tai: Khi thiên tai xảy ra sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân;
 - Rủi ro về giá nông sản: Khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân.
 - Rủi ro về dịch bệnh: Khi xảy ra dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thậm trí phải tạm dừng sản xuất, ... để chung tay phòng và chống dịch.
 - Rủi ro về xung đột, chiến sự...: Sự bất ổn chính trị, xã hội, xung đột vũ trang giữa các nước trong khu vực/trên thế giới làm đứt gãy chuỗi cung ứng, khan hiếm nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất, khó khăn tiêu thụ.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Khó khăn

Năm 2025, giá các loại vật tư nguyên nhiên liệu đầu vào sản xuất liên tục tăng, đặc biệt quặng Apatit có 4 lần tăng gần 30%. Quặng Apatit chất lượng thấp (chỉ đạt 20-21%) đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất ở các lò cao, gây nhiều sự cố trong sản xuất.

Tình trạng thiếu hụt quặng A không đủ sản xuất cho 3 lò làm ảnh hưởng tới việc cung ứng sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng. Công ty đã chủ động tìm nguồn cung ở nước ngoài (Quặng Apatit Ai Cập) hiện Công ty đã nhập khẩu quặng Apatit loại chất lượng 22% P2O5 và đã được vào sản xuất ổn định.

Trong quý 3/2025, tình hình mưa lũ xảy ra tại khu vực phía Bắc gây ảnh hưởng nghiêm trọng về người và tài sản, diện tích cách tác bị hư hại nặng nề, khu vực miền Trung từ giữa tháng 9/2024, mưa lũ cũng gây ra nhiều khó khăn, khu vực Nam Bộ đã hết thời vụ chăm bón, dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tiêu thụ sản phẩm.

1.2. Thuận lợi

Công ty có bề dày hơn 60 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt, có thương hiệu, là sản phẩm phân bón được người tiêu dùng tin nhiệm & các cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá cao, phù hợp với thổ nhưỡng và các loại cây trồng trong cả nước.

Trong những năm trước, Công ty đã và đang thực hiện nhiều hạng mục đầu tư, cải tạo điều kiện làm việc cho người lao động, cải tiến sản phẩm, cải tạo máy móc thiết bị và có hiệu quả tốt.

Công ty luôn duy trì chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu; Sản phẩm của Công ty có thương hiệu tốt và đã được các cơ quan, ban ngành cũng như các tổ chức trong nước và ngoài nước công nhận qua các danh hiệu đã đạt được.

Năm 2025 giá nông sản và đặc biệt là giá Cà phê, tiêu, sầu riêng... tăng rất cao nên nông dân đầu tư nhiều cho phân bón, đặc biệt là lân nung chảy nên nhu cầu tiêu thụ phân lân nung chảy tăng cao. Công ty đã tăng công suất nhưng vẫn không đủ đáp ứng cho nhu cầu thị trường. Việc cung không đủ cầu, thiếu hàng dẫn tới nhiều đại lý khách hàng chấp nhận việc gửi trả tiền trước mua hàng để giữ giá và đảm bảo chất lượng cung cho nông dân, là tiền đề tạo thuận lợi cho công ty có nguồn tài chính ổn định.

1.3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2025

Trong bối cảnh nêu trên, Công ty đã thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự cán bộ điều hành;
- Ổn định tư tưởng người lao động;
- Duy trì lượng nguyên nhiên vật liệu dự phòng cho sản xuất ở mức tối thiểu;
- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm lao động;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường;
- Tăng cường các biện pháp tiếp thị; phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt, phù hợp từng thời điểm của thị trường, từng đối tượng khách hàng.

Bằng các giải pháp như trên, trong năm 2025 Công ty đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						TH 2025/ KH 2025	TH 2025/TH 2024
A	B	C	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	283.629	290.000	295.583	102	104
-	Phân lân các loại	Tấn	253.532	260.000	263.253	101	104
-	Phân NPK các loại	Tấn	30.097	30.000	32.330	108	107
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	273.747	280.000	335.960	120	123
-	Phân lân các loại	Tấn	245.229	250.000	302.683	121	123
-	Phân NPK các loại	Tấn	28.518	30.000	33.277	111	117
	Trong đó Xuất khẩu		1.828	5.000	2.608	52	143
	Phân lân Văn Điển	Tấn	1.828	5.000	2.608	52	143
	Phân NPK Văn Điển	Tấn	-	-	-	-	-
3	Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.269,69	1.579,21	1.756,00	111	138
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	88,93	100,05	213,17	213	239,7

2- Tổ chức và nhân sự:

2.1- Danh sách Ban Tổng giám đốc và Phụ trách kế toán

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Văn Hồng Sơn	Tổng giám đốc	0,04	
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	0,006	
3	Trần Thắng	Phó Tổng giám đốc		
4	Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng giám đốc	0,323	
5	Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán		Bổ nhiệm Kế toán trưởng từ ngày 27/10/2025

2.2- Lý lịch tóm tắt

1. Ông Văn Hồng Sơn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/8/1965
Số Căn cước công dân:	040065000270 cấp ngày 27/4/2021 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Số 30, ngách 160/9/14 đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0984 690 790
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, cử nhân chính trị
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1990 đến 3/2000:	Kỹ sư cơ Phòng Cơ điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc
+ Từ 4/2000 đến 9/2000:	Kỹ sư các Phân xưởng Lò cao, Sấy nghiền, Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 10/2000 đến 8/2001:	Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 9/2001 đến 11/2002:	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2002 đến 29/6/2016:	Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 30/6/2016 đến 14/9/2018:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 15/9/2018 đến 13/11/2018:	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
Từ 14/11/2018 đến nay:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Phạm Quang Trung	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND:	038066000189 ngày 21/04/2021 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	LK5-59 khu Tái định cư, xã Thanh Trì, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0916880303
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1993 đến 1995:	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiền Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005:	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao
+ Từ 2005 đến 2010:	Quản đốc phân xưởng Lò cao
+ Từ 12/2010 đến 03/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 04/2012 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến nay:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

3. Ông Trần Thắng	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/04/1985
Số CMND:	033085001542 ngày 10/07/2021; Cục CS QLHS về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:	Xã Bích Hào, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	P1504 CT10, KĐT Việt Hưng, phường Việt Hưng, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0985131485
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 9/2007 đến 9/2008:	Cán sự Phòng Công tác học sinh sinh viên – Trường cao đẳng kinh tế Công nghiệp
+ Từ 9/2008 đến 09/2010:	Cán sự Phòng Tổ chức lao động – Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam
+ Từ 9/2010 đến 7/2019:	Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 9/2019 đến 6/2020:	Chuyên viên Ban Thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 6/2020 đến 9/2020:	Phó Trưởng ban Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 9/2020 đến 8/2021:	Phó Trưởng ban, Phụ trách Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 8/2021 đến 8/2023:	Trưởng ban Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 12/8/2023:	Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4. Ông Nguyễn Đức Toàn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	27/05/1980
Số Căn cước công dân:	024080019037 cấp ngày 08/12/2021, Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	xã Nga An, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú:	Số 74 TT12 KĐT Văn Phú, Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 00968 919198
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ sư thủy lợi
<i>Quá trình công tác</i>	<i>Chức vụ và nơi công tác</i>
+ 07/2003 - 09/2004	Kỹ sư Ban điều hành dự án thủy điện Tuyên Quang – Tổng công ty Sông Đà
+ 10/2004 - 06/2005	Kỹ sư công ty cổ phần XD & ĐT Việt Nam
+ 07/2005 - 11/2011	Chuyên viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cavico KTM&XD
+ 12/2011 – 10/2015	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Xuân Hồng
+ 11/2015 – 02/2016	Nhân viên công ty CP Hà Thành ô tô
Từ 03/2016 – nay: làm việc tại Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển	
+ 03/2016 - 02/2019	Kỹ sư ra liệu; Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật
+ 03/2019 - 04/2021	Phó phòng Kỹ thuật
+ 05/2021 - 03/2022	Phó phòng phụ trách phòng Kỹ thuật
+ 04/2022 - 17/09/2024	Trưởng phòng Kỹ thuật
+ từ 18/09/2024 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

5. Bà Nguyễn Thị Sen	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/01/1973
Số CMND:	037173002756, cấp ngày 10/4/2021, tại Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	P912 Nơ 4 Pháp Vân Tứ Hiệp, phường Yên Sở, Hà Nội

Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0912 467 709
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 12/1992 đến 9/2014:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân Ninh Bình
+ Từ 10/2014 đến 11/2015:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2015 đến 01/2019:	Phụ trách kế toán kiêm Tổ trưởng tổ hành chính Ban QLDA đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B KCN Bim Sơn, Thanh Hóa (thuộc Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển).
+ Từ 02/2019 đến 02/2019:	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 03/2019 đến 12/2019:	Phó phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 01/2020 đến 26/10/2025	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 27/10/2025 đến nay:	Kế toán trưởng; Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng; Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với C.ty:	Không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2025

Công ty bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Sen làm Kế toán trưởng Công ty từ ngày 27/10/2025

2.4. Số lượng lao động bình quân năm 2025: 359 người.

2.5. Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng lao động để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;
- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2025

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa.

* Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 26/01/2013

Về việc thu hồi chi phí đầu tư dự án theo phán quyết của Tòa tại Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn: Thực hiện phán quyết của Tòa, Công ty đã triển khai thực hiện việc thi hành Bản án số 03/2022/KDTM-ST; Theo đó, Công ty CP đầu tư xây dựng HUD4 đã hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển tổng số tiền là 75.935.953.728 đồng.

Về số tiền 43,882 tỷ đồng Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển yêu cầu Công ty CP đầu tư xây dựng HUD4 bồi thường toàn bộ các chi phí đầu tư dự án, các thiệt hại và cơ hội đầu tư trong quá trình đầu tư dự án từ năm 2013 đến nay rất khó có cơ sở thành công. Trước đó, bản án số 03/2022/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn xác định cả hai bên đều vi phạm điều cấm của luật khi ký hợp đồng thuê đất khi chưa đủ điều kiện pháp lý. Các đơn kháng nghị sau đó đã bị bác bởi Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, khả năng yêu cầu bồi thường tiếp tục được chấp nhận là rất thấp do trách nhiệm được xác định không thuộc riêng phía HUD4.

Ngày 22/4/2025 Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt về việc dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa (Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 26/01/2013) theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ. Hiện nay, Công ty đang triển khai quyết toán và thanh lý dự án ĐTXD “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy & phân bón NPK Văn Điển” theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137.

Về giá trị thực hiện đến nay:

Giá trị thực hiện Dự án trong năm 2025: 0.00 triệu đồng

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025 : 100.529 triệu đồng

* Đối với dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 ngày 23/7/2025

Sau khi dừng thực hiện dự án cũ, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đã chủ động tìm đất trong các khu công nghiệp ở nhiều tỉnh xung quanh Hà Nội. Tuy nhiên, qua quá trình xem xét, đánh giá khu B – KCN Bim Sơn, Thanh Hóa là địa điểm phù hợp nhất cho dự án. Nhờ có sự giúp đỡ của UBND tỉnh Thanh Hóa đang chủ trì giải quyết khó khăn, vướng mắc giữa VADFCO & HUD4 trong việc thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật để thực hiện dự án tại Lô đất CN7, Khu B, KCN Bim Sơn – Thanh Hóa. Đến ngày 26/6/2025 hai bên đã ký hợp đồng sơ bộ làm tiền đề để chuẩn bị ký kết hợp đồng thuê đất gắn với cơ sở hạ tầng tại khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – Thanh Hóa để triển khai dự án vì có thể tận dụng được nhiều lợi thế, ưu thế của khu đất này.

Ngày 23/7/2025 Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1066667775 cho Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển

Ngày 04/8/2025, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển và Công ty CP Đầu tư xây dựng HUD4 đã ký Hợp đồng thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án.

Về giá trị thực hiện đến nay:

- Giá trị thực hiện Dự án trong năm 2025: 288.460 triệu đồng

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025 : 288.460 triệu đồng

b. Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, Công ty thực hiện 04 dự án mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất, gồm:

+ Mua sắm Máy khoan cần

+ Mua sắm máy phát điện 3 pha

+ Mua sắm máy xúc đào bánh xích

+ Mua sắm màn hình Led hội trường

Và 01 hạng mục chuẩn bị đầu tư: Đầu tư, cải tạo hệ thống PCCC tại nhà máy Phân lân nung chảy Văn Điển

- Giá trị thực hiện đến 31/12/2025: 2.420 triệu đồng

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: không.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ.đ	1.212,16	1.075,381	112,7%
2	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	1.613,91	1.220,27	132,3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ.đ	213,43	77,03	277,1%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ.đ	(0,26)	11,90	(2,2)%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	213,17	88,93	239,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	170,42	70,95	240,2%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	20%	10,0%	200%

Ghi chú: Mức trả cổ tức năm 2025 dự kiến là 20.0% (trong đó: 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu); mức chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,63	1,90	

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
	+ Hệ số thanh toán nhanh <i>[(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]</i>	1,11	1,09	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,46	0,51	
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,84	1,02	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>	3,31	2,16	
	+ Vòng quay tổng tài sản <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản)</i>	1,41	1,41	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,6%	5,8%	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26%	13%	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14%	7%	
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	13,2%	6,3%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2025

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 37.665.348 cổ phần;
- Loại cổ phần: phổ thông;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 37.665.348 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- a. Theo cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ):

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tráng Tiễn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	67,056%

2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	02 Vũ Duy Thanh, phường Hoa Lư, Ninh Bình	2700271351	24,467%
3	Các cổ đông khác			8,477%
	Cộng			100%

5.3- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024: 376,653 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025: 376,653 tỷ đồng.

5.4- Tình hình phát hành cổ phiếu: Không có.

5.5- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.6- Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2025

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

TT	Nguồn phát thải	ĐV	Khối lượng sử dụng	Hệ số phát thải CO ₂ (tấn CO ₂ /đv)	Lượng phát thải khí CO ₂ (tấn)
1	Than	tấn	62.503,579	2,88	180.010,307
2	Dầu diesel	1000 lít	317,58	2,73	866,993
3	Xăng	1000 lít	8,97	2,408	21,599
4	Khí đốt (gaz)	Tấn	7,39	2,88	21,283
5	Điện năng	1000 kWh	11.835	0,6766	8.007,561
	Cộng	Tấn			188.927,743

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để tiết kiệm chi phí, giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và để giảm lượng phát thải khí nhà kính phát thải ra ngoài môi trường luôn được Công ty quan tâm, dành nguồn lực để thay đổi thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn. Trong thời gian qua, các sáng kiến, biện pháp đơn vị đang sử dụng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Trồng bổ sung, chăm sóc cây xanh trong địa bàn Công ty đảm bảo luôn xanh tốt;
- Duy trì thay thế bóng đèn các loại bằng bóng đèn LED tiết kiệm điện;
- Thay thế, lắp bổ sung đèn chiếu sáng bảo vệ ngoài trời bằng đèn năng lượng mặt trời;
- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; Lắp bổ sung, thay thế tủ bù gần phụ tải; cải tiến thiết bị, ưu tiên thay thế các thiết bị điện có dán nhãn năng lượng; Lắp đặt biển

tần cho các phụ tải cần thiết; xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các hệ thống thiết bị... giảm định mức than, điện năng tiêu thụ;

- Thay thế các động cơ vận hành chạy non tải bằng các động cơ có công suất phù hợp để tiết kiệm điện năng;

- Tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị, xây bảo ôn các lò cao để giảm định mức than trong sản xuất phân lân;

- Tận dụng gió nóng từ khí thải của lò cao để nung nóng không khí lên $>220^{\circ}\text{C}$ trước khi cấp vào lò cao, tiết kiệm được than tại Phân xưởng Lò cao.

- Sáng kiến "*Nghiên cứu công nghệ thiết bị xây lò bảo ôn để đảm bảo năng suất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất Lò cao*" được áp dụng từ tháng 8/2024 tại các lò cao đã góp phần ổn định sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tăng thu nhập, tăng năng suất (trên 11 tấn/h), giảm ĐMT (0,249 T/TBTP), giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

TT	Loại nguyên liệu	ĐV	Tiêu thụ năm 2025
1	Quặng Apatit	tấn	177.894,773
2	Quặng sà vôn	tấn	94.278,486
3	Quặng sa thạch	tấn	21.460,226
4	Than	tấn	62.503,579
	Cộng	tấn	356.137,064

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2025: Đóng bánh quặng mịn được 71.992,5 tấn, triết tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 59.740,32 tấn, chiếm 16,774% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2025:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

TT	Loại nhiên liệu	ĐV	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Than	tấn	62.503,579	Sản xuất phân bón
2	Dầu diesel	lít	317,58	Dùng cho phương tiện vận chuyển: ô tô, máy xúc, máy nâng, máy phát điện
3	Xăng	lít	8,97	Dùng cho ô tô
4	Khí đốt (gaz)	kg	7,39	Dùng để nấu ăn, sửa chữa cơ khí

- Điện năng tiêu thụ

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	Điện	kWh	11.835.000
2	Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kWh	Cao điểm: 3.474 Thấp điểm: 1.241 Trung bình: 1.896 Từ 10/05/2025 tăng giá điện Cao điểm: 3.640 Thấp điểm: 1.300 Trung bình: 1.987
3	Chi phí điện	đồng	26.717.317.560

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Chiếu sáng khu vực văn phòng, các đơn vị sản xuất, bảo vệ	Duy trì việc sửa chữa thay thế loại bóng đèn LED (10W, 20W, 30W, 100W,...) tiết kiệm điện	Đã thay 200 lượt bóng đèn LED 30W; 400 lượt bóng đèn LED 12W; Thay thế và bổ sung 100 đèn năng lượng mặt trời. Mức tiết kiệm điện năm 2025 khoảng 13.000 kWh, Tiết kiệm chi phí tương đương 29,59 Tr. đồng
2	Các dây chuyền sản xuất	Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; Thay đổi công suất một số động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, cải tiến thiết bị, duy trì thay thế các tụ bù cosφ hỏng, giảm tổn thất điện năng	Tiết kiệm năng lượng điện 4,7 kWh/tấn SP (so với định mức), tương ứng 1.248.226kWh, tương đương 2.841,212 triệu đồng/năm
3	Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ	Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ; Duy trì camera theo dõi hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài, giảm tiêu hao xăng dầu.	Tiết kiệm nhiên liệu 53.800 lít dầu diesel/năm (so với định mức), tương đương 991,695 triệu đồng/năm
4	Hệ thống lò nung chảy phân lân	Tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị lò cao để giảm định mức than	Tiết kiệm 0,0102 T than/tấn SP (so với định mức), tương

		ứng 2.686 tấn than, tương đương 13,276 tỷ đồng/năm
--	--	--

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của sáng kiến này năm 2025:

- Hệ thống điện chiếu sáng: Duy trì thay khoảng 200 lượt bóng đèn LED 30W; thay 400 đèn LED 12W; Thay thế, lắp bổ sung đèn chiếu sáng bảo vệ ngoài trời bằng đèn năng lượng mặt trời, mức tiết kiệm điện khoảng 11.000kWh; tương đương 23,35 triệu đồng;

- Các dây chuyền sản xuất: Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; cải tiến thiết bị khu vực lò cao (xây bảo ôn lò), sấy nghiền, ...; nâng cao năng suất thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao than, điện so với định mức kế hoạch:

+ Giảm định mức than từ 0,260 tấn/tấn SP xuống 0,2498 tấn/tấn SP, mức tiết kiệm 0,0102 tấn/tấn SP so với định mức, tương ứng 2.686 tấn than, tiết kiệm chi phí tương đương 13,276 tỷ đồng;

+ Giảm định mức điện từ 49 kWh/tấn SP xuống 44,26kWh/tấn SP, mức tiết kiệm 4,74kWh/tấn sản phẩm so với định mức, tương ứng 1.248.226kWh, tương đương tiết kiệm chi phí 2.841,212 triệu đồng/năm.

- Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ: Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; xây dựng, triển khai Kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, lắp camera theo dõi hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài. Giảm tiêu hao xăng dầu so với định mức; năm 2025 tiết giảm được 53.800 lít dầu diezen, tương đương tiết kiệm chi phí 991,695 triệu đồng.

- Sáng kiến "Nghiên cứu công nghệ thiết bị xây lò bảo ôn để đảm bảo năng suất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất tại Lò cao" được áp dụng từ tháng 8/2024 tại các lò cao đã góp phần ổn định sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tăng thu nhập, tăng năng suất (trên 11 tấn/h); giảm ĐM than từ 0,26tấn/tấn SP xuống 0,2498 tấn/tấn SP; giảm ĐM điện từ 49kWh/tấn SP xuống 44,26t/ tấn SP. Giá trị làm lợi năm 2025 khoảng 12 tỷ đồng.

6.4. Tiêu thụ nước trong năm 2025:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác: bình quân 599 -:- 718 m³/ngày đêm. Năm 2025 tổng lượng nước đã khai thác 241.386 m³.

- Giấy phép khai thác nước sử dụng nước dưới đất; Giấy phép số 107/GP-BTNMT ngày 29/6/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Hiện tại toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải; không xả nước thải ra môi trường; tiết kiệm mỗi năm khoảng 07 -:- 09 triệu m³ nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty quan tâm chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và thành phố Hà Nội.

- Đã lập báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Công ty đã hoàn thiện hồ sơ và được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc hệ thống khí thải tự động liên tục (quan trắc online), Công ty đã hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc nước ngầm tự động liên tục tại 03 giếng (G1, G2, G4) và giếng 3 dùng để quan trắc mực nước.

- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường.

- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng CBCNV (tính đến ngày 31/12/2025): 359 người;

+ Thu nhập bình quân năm 2025: 27,15 triệu đồng/người/tháng;

+ Hình thức trả lương: Tạm ứng giữa kỳ lương từ ngày 18 đến ngày 20 của tháng; Thanh toán cuối kỳ lương từ ngày 8 đến ngày 15 tháng sau;

+ Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác, để động viên người lao động trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở quỹ tiền lương Công ty chỉ thêm tiền bổ sung theo lương.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

- Tuyển dụng lao động để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

+ Chế độ làm việc: 8h/ngày; Từ 5 - đến 6 ngày/tuần.

Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h15, trưa nghỉ 45 phút từ 11h30 đến 12h15 ăn cơm.

Công nhân trong dây truyền sản xuất làm việc theo ca: ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc 15h; Ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h kết thúc 7h; Trong ca thay nhau nghỉ để ăn giữa ca.

+ Các chế độ nghỉ ốm, thai sản, điều dưỡng: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội

+ Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, lao động nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Từ tháng 07/2024

công ty thực hiện chương trình hỗ trợ CBCNV (cả nam và nữ) có con nhỏ trong độ tuổi đi học mầm non và mẫu giáo (từ 06 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi), mỗi cháu 100.000 đồng/tháng.

+ Được cấp phát toàn bộ trang thiết bị BHLĐ.

+ Chính sách thưởng, phúc lợi:

(i) Về tiền thưởng: Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

(ii) Các chế độ khác: Ngoài được hưởng các chế độ theo bộ luật lao động, luật BHXH người lao động được ăn 2 bữa cơm ca / 1 ca làm việc và hàng năm được đi tham quan, nghỉ mát theo quy định của Công ty.

(iii) Chế độ hiếu hỷ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

(iiii) Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

c) Chế độ đào tạo:

- Kinh phí học tập để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty chi trả 100 %

- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty

- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian

- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Năm 2025 đã ủng hộ công tác xã hội, từ thiện tại địa phương, quỹ Vì người nghèo trung ương, quỹ An sinh Tập đoàn hóa chất Việt Nam, hỗ trợ CBCNV khó khăn ... số tiền 500 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Ngoài những khó khăn đã nêu ở trên, trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố khách quan như thời tiết diễn biến bất lợi (mưa lũ kéo dài), tình trạng thiếu hụt lao động, hạn chế về phương tiện vận chuyển cũng như khó khăn trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên, nhiên vật liệu. Cụ thể:

- Công tác tuyển dụng lao động phục vụ sản xuất gặp nhiều khó khăn, nguồn nhân lực không ổn định;

- Việc thu mua nguyên liệu đầu vào gặp trở ngại, giá cả tăng cao do lưu thông hàng hóa bị ảnh hưởng;

- Chi phí vận tải và các chi phí liên quan tăng mạnh do giá nhiên liệu biến động liên tục, cùng với việc siết chặt các quy định về vận tải như kiểm soát quá tải, đăng kiểm và kiểm định phương tiện.

Những yếu tố trên đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Để duy trì hoạt động và đảm bảo không phát sinh thua lỗ, Công ty buộc phải điều chỉnh cơ chế kinh doanh theo hướng tăng giá bán sản phẩm song song với việc gia tăng chính sách chiết khấu bán hàng, qua đó làm giảm hiệu quả kinh doanh trong kỳ.

b. Các biện pháp thực hiện

Trước những khó khăn nêu trên, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

- Ổn định nguồn nhân lực và chế độ người lao động:

Đảm bảo việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định; kịp thời giải quyết các kiến nghị của người lao động, hạn chế phát sinh bức xúc nội bộ. Đồng thời, tăng cường phát huy vai trò làm chủ, nâng cao trách nhiệm và sự tham gia giám sát của người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh; cải thiện điều kiện và môi trường làm việc thông qua việc cải tiến máy móc, thiết bị.

- Đẩy mạnh đào tạo và an toàn lao động:

Tổ chức đào tạo lý thuyết và thực hành tại chỗ, kết hợp hình thức “người cũ kèm người mới” nhằm nâng cao tay nghề và khả năng đáp ứng công việc. Tăng cường huấn luyện về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục và hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý:

Kiên toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, bố trí đúng người, đúng việc; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, quản lý chặt chẽ công tác mua sắm nguyên, nhiên vật liệu và hàng tồn kho; điều hành sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, đảm bảo mức tồn kho hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật:

Cải tiến công nghệ và quy trình vận hành, đặc biệt tại khu vực lò cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nhiên liệu và hạn chế gián đoạn sản xuất. Tăng cường cơ giới hóa, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường.

- Phát triển thị trường và tổ chức tiêu thụ:

Tăng cường công tác thị trường, mở rộng hệ thống đại lý và nâng cao khả năng cung ứng hàng hóa kịp thời. Chủ động điều hành chính sách bán hàng, giá bán và phân bổ hàng hóa theo từng thời kỳ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá sản phẩm; phối hợp với các cơ quan chuyên môn và địa phương xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức hội thảo, hội nghị khách hàng để hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Bên cạnh đó, mở rộng lực lượng thị trường tại các khu vực trọng điểm; đa dạng hóa phương thức vận chuyển, hợp tác với nhiều đơn vị logistics nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng, tối ưu chi phí và hạn chế rủi ro phụ thuộc.

c) Kết quả đạt được

Trong bối cảnh năm 2025 tiếp tục chịu tác động bất lợi từ biến động chi phí đầu vào, điều kiện thời tiết không thuận lợi và áp lực thị trường, Công ty đã chủ động điều hành linh hoạt, triển khai hiệu quả các giải pháp sản xuất kinh doanh, qua đó duy trì ổn định hoạt động và phát huy tốt các nguồn lực hiện có.

Kết thúc năm 2025, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt, Công ty được vinh danh là một trong 05 đơn vị thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao nhất, khẳng định hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị trong điều kiện nhiều thách thức.

Kết quả đạt được không chỉ thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của toàn thể cán bộ, người lao động mà còn góp phần củng cố vị thế, uy tín của Công ty trong ngành phân bón.

Những tiến bộ khác đạt được trong năm 2025:

- Trình độ công nghệ sản xuất tiếp tục được nâng cao; hệ thống máy móc, thiết bị được đầu tư, cải tạo và sửa chữa kịp thời, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, góp phần nâng cao hiệu

quá, cải thiện điều kiện làm việc và môi trường. Đặc biệt, năng lực chế tạo, lắp đặt thiết bị của Công ty từng bước được nâng cao;

- Nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào thực tiễn, góp phần tiết giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm;

- Thị trường tiêu thụ truyền thống trong và ngoài nước tiếp tục được duy trì, ổn định trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; đảm bảo việc làm, thu nhập và từng bước cải thiện điều kiện làm việc, qua đó góp phần ổn định lực lượng lao động trong bối cảnh ngành phân bón gặp nhiều khó khăn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Vốn chủ sở hữu, tài sản của Công ty tính đến 31/12/2025 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	657,630	531,232
2	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ.đ	376,653	376,653
3	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ.đ	95,743	77,474
4	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	3,282	3,282
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tỷ.đ	181,952	73,823
6	Tổng tài sản	Tỷ.đ	1.212,16	1.075,381

Các tài sản được đầu tư và sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả của tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn năm 2025 của Công ty được đánh giá qua các chỉ số tài chính, cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26%	13%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14,06%	6,60%

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn năm 2025 cao hơn so với năm 2024; Công ty bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn < 3 tháng có lãi suất từ 4,75%/năm là 130 tỷ đồng và có tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn < 12 tháng có lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm là 140 tỷ đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
1	Tiền mặt	Tỷ.đ	0,982	0,411
2	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	Tỷ.đ	284,186	168,835

3	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng	Tỷ.đ	130,000	230,000
4	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng	Tỷ.đ	140,000	165,685
	Cộng	Tỷ.đ	555,168	564,929

Công nợ phải thu:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
	Tổng nợ phải thu	Tỷ.đ	12,982	14,908
1	Phải thu khách hàng	Tỷ.đ	2,112	1,870
2	Trả trước cho người bán	Tỷ.đ	4,501	7,553
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tỷ.đ		
4	Các khoản phải thu khác	Tỷ.đ	6,369	7,346
5	Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ.đ	(1,822)	(1,861)
	Một số chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu		(14,03%)	(12,48%)
2	Vòng quay của các khoản phải thu (Doanh thu thuần/số dư phải thu khách hàng)		764,161	652,552

Nợ phải thu chủ yếu là tiền bán hàng. Công ty đã thực hiện quản lý công nợ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2025 là 1,822 tỷ đồng. Trong năm 2025 không phát sinh thêm khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng và đã thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ như khởi kiện ra Tòa đối với các khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh từ những năm trước.

Ngoài khoản công nợ này, Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi hay tài sản khó thu hồi nào khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Công nợ phải trả:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
	Tổng nợ phải trả	Tỷ.đ	554,527	544,148
A	Nợ ngắn hạn	Tỷ.đ	554,066	543,456
1	Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ.đ	53,411	17,458
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tỷ.đ	98,002	33,227

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
3	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	17,824	4,796
4	Phải trả người lao động	Tỷ.đ	57,335	24,082
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	6,671	5,098
6	Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ.đ	302,439	443,166
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	15,909	12,752
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		0,231	0,231
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đ	2,242	2,646
B	Nợ dài hạn	Tỷ.đ	0,461	0,692
1	Phải trả dài hạn khác		0,461	0,692

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn, không có nợ quá hạn; cụ thể các chỉ tiêu đánh giá chung như sau:

* Khả năng thanh toán nợ	31/12/2025	31/12/2024
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản:	0,457	0,506
- Khả năng thanh toán hiện hành: (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	1,628	1,904
* Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:	0,843	1,024

Công ty có đủ khả năng thanh toán hiện hành.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 0,843 lần, đang trong tỷ lệ an toàn theo quy định của nhà nước.

Trong năm Công ty có xuất khẩu sản phẩm Phân lân, đồng tiền trong giao dịch này sử dụng là ngoại tệ; tuy nhiên khoản thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao trong tổng doanh thu của Công ty (khoảng 1,52% /tổng doanh thu), do đó rủi ro từ tỷ giá hối đoái rất thấp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2025 Công ty tiếp tục đổi mới cách thức chi trả lương, tăng thu nhập thực tế hàng tháng, cải thiện đời sống của người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tiếp tục thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như:

- Về tổ chức và nguồn nhân lực:

Tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty;

- Về công tác quản lý, điều hành:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tại tất cả các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh; tiếp tục xây dựng, rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phù hợp với thực tiễn hoạt động;

- Về quản lý vật tư, sản xuất và tồn kho:

Quản lý chặt chẽ công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tổ chức sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, duy trì mức tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa tồn đọng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn;

- Về công nghệ và sản xuất:

Đẩy mạnh cải tiến công nghệ, đặc biệt là công nghệ lò cao; tăng cường cơ giới hóa, hợp lý hóa các khâu sản xuất; ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo môi trường;

- Về sản phẩm và thị trường:

Tiếp tục nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới; cải tiến mẫu mã, bao bì phù hợp với nhu cầu thị trường; đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

- Về công tác đầu tư xây dựng:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực tổ chức triển khai và quản lý các dự án đầu tư của Công ty.

4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

*** Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2026**

a. Khó khăn và thuận lợi:

- Khó khăn: Bước sang năm 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dự kiến tiếp tục chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi trong và ngoài nước. Tình hình địa chính trị thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt là căng thẳng, xung đột tại một số khu vực, đã và đang tác động mạnh đến giá năng lượng, nhất là xăng dầu, kéo theo chi phí vận tải và giá nhiều loại hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao và biến động khó lường.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt lao động chưa được cải thiện rõ rệt; giá các nguyên, nhiên vật liệu chính như than, quặng Apatit tiếp tục duy trì ở mức cao; chi phí logistics còn tiềm ẩn rủi ro; điều kiện thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nhu cầu tiêu thụ phân bón. Đồng thời, áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng gia tăng, đòi hỏi Công ty phải không ngừng nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động.

- Thuận lợi: Công ty có bề dày gần 60 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ, công nhân có trình độ, tay nghề và kinh nghiệm; các dự án đầu tư, cải tiến công nghệ từ những năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm có thương hiệu, uy tín trên thị trường và được người tiêu dùng tin tưởng.

Trong những năm trước & những năm gần đây, Công ty đã và đang thực hiện nhiều hạng mục đầu tư, cải tạo điều kiện làm việc cho người lao động, cải tiến sản phẩm, cải tạo máy móc thiết bị; Các hạng mục đầu tư, cải tạo đều đúng hướng, phát huy hiệu quả.

Công ty luôn duy trì chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu; Sản phẩm của Công ty có thương hiệu tốt và đã được các cơ quan, ban ngành cũng như các tổ chức trong nước và ngoài nước công nhận qua các danh hiệu đã đạt được

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Tổng doanh thu: **2.100,129** tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế: **233,067** tỷ đồng;
 - Tổng sản lượng sản xuất: **315.000** tấn phân bón các loại.
 - Tổng sản lượng tiêu thụ: **305.000** tấn phân bón các loại
- c. Công ty thực hiện một số giải pháp như sau:

- *Về tổ chức và nguồn nhân lực:*

Tiếp tục kiện toàn công tác quản lý; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thông qua đào tạo, đào tạo lại nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới;

- *Về sản phẩm:*

Duy trì sản xuất sản phẩm chủ lực là lân nung chảy; đồng thời nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới như phân lân cao cấp, phân hữu cơ khoáng, các loại NPK hàm lượng dinh dưỡng cao và phân bón dạng nước chuyên dùng cho cây trồng, phù hợp xu hướng nông nghiệp sạch;

- *Về công nghệ và sản xuất:*

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến và đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

- *Về thị trường và tiêu thụ:*

Đẩy mạnh phát triển thị trường tại các khu vực miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ; phấn đấu mỗi năm phát triển thêm từ 2-3 đại lý mới. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách bán hàng phù hợp nhằm giữ vững thị trường hiện có và gia tăng sản lượng tiêu thụ, đặc biệt đối với sản phẩm NPK tại khu vực phía Nam và sản phẩm lân tại khu vực phía Bắc;

- *Về công tác truyền thông, quảng bá:*

Đổi mới phương thức quảng cáo, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong truyền thông (nền tảng mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, báo điện tử chuyên ngành...); kết hợp quảng bá thông qua website chính thức của Công ty nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu;

- *Về đầu tư và phát triển:*

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các dự án đầu tư phục vụ công tác di dời, đảm bảo hiệu quả và định hướng phát triển bền vững;

- *Về đầu tư xây dựng:*

Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới, Công ty tập trung tìm kiếm, thuê địa điểm phù hợp để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2025: Có (Theo công văn giải trình số 121/PLVD-TCKT ngày 23/03/2026 Công ty đã công bố thông tin ngày 23/03/2026).

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải)*

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.1 -:- 6.4 phần II nêu trên; trong năm 2025 các chỉ tiêu về môi trường đều được Công ty thực hiện tốt hơn, đạt và đều thỏa mãn tiêu chuẩn cho phép. Mức tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải luôn ở mức tiết kiệm và tiên tiến so với các đơn vị sản xuất các sản phẩm cùng loại. Do vậy đã góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí sản xuất.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2025 để bù đắp lượng lao động thiếu hụt, công ty đã đa dạng nhiều kênh tuyển dụng, trong năm tuyển dụng 40 lao động mới, có 32 lao động chuyển ký hợp đồng, có 17 lao động nghỉ chấm dứt hợp đồng;

Với lực lượng lao động hiện có, Công ty vẫn trong tình trạng thiếu lao động dẫn tới nhiều khó khăn trong bố trí phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Số lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, chưa thích ứng với yêu cầu công việc, cần phải có thời gian để đào tạo.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn phát huy vai trò là doanh nghiệp tích cực trong công tác an sinh xã hội, từ thiện tại địa phương, thường xuyên tham gia đóng góp các quỹ xã hội, từ thiện do địa phương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phát động. Bên cạnh đó, Công ty chủ động phối hợp, tham gia các hoạt động nhằm góp phần bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội trên địa bàn, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và sự phát triển bền vững

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2025

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh còn nhiều khó khăn. Giá năng lượng và nguyên, nhiên vật liệu đầu vào (đặc biệt là than, quặng Apatit và một số vật tư khác) duy trì ở mức cao và biến động; nguồn cung quặng Apatit chất lượng tốt ngày càng khan hiếm, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, lao động mới cần thời gian đào tạo, thích nghi; chi phí vận tải và mặt bằng giá cả chung vẫn ở mức cao, tạo thêm áp lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước những khó khăn nêu trên, Công ty đã chủ động, linh hoạt triển khai đồng bộ các giải pháp trên các lĩnh vực hoạt động; qua đó duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025. Cụ thể như sau:

- Về tổ chức: Bộ máy quản trị, điều hành được kiện toàn; Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 được tổ chức, vận hành theo đúng quy định;
- Về lao động: Cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Về quản lý: Công tác quản lý, điều hành được thực hiện chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tế;
- Về công nghệ: Tiếp tục được cải tiến, nâng cao trình độ;
- Về sản xuất: Duy trì ổn định, tăng cường tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động;
- Về thị trường, tiêu thụ: Thị trường được giữ vững và từng bước mở rộng;
- Về tài chính – kế toán: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty; tình hình tài chính lành mạnh, an toàn;
- Về kiểm toán nội bộ: Được triển khai thực hiện theo quy định;

- Về đầu tư xây dựng: Đáp ứng kịp thời nhu cầu về máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Về trách nhiệm đối với người lao động, môi trường và xã hội: Đảm bảo việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động; tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025: Trong năm 2025, Công ty đã đoàn kết, nỗ lực để giữ vững, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 là rất tốt, đạt và vượt với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						TH 2025/ KH 2025	TH 2025/TH 2024
A	B	C	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	283.629	290.000	295.583	102	104
-	Phân lân các loại	Tấn	253.532	260.000	263.253	101	104
-	Phân NPK các loại	Tấn	30.097	30.000	32.330	108	107
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	271.919	280.000	335.960	120	124
-	Phân lân các loại	Tấn	243.401	250.000	302.683	121	124
-	Phân NPK các loại	Tấn	28.518	30.000	33.277	111	117
	Trong đó Xuất khẩu		1.828	5.000	2.608	52	143
	Phân lân Văn Điển	Tấn	1.828	5.000	2.608	52	143
	Phân NPK Văn Điển	Tấn	-				
3	Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.269,69	1.579,21	1.756,00	111	138
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	88,93	100,05	213,17	213	239,7

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2025, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Với sự chủ động, linh hoạt trong điều hành, Ban Tổng giám đốc đã triển khai đồng bộ các giải pháp, góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc trong việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh,

nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh thị trường phân bón có nhiều biến động, giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao; đồng thời bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 và dự báo tình hình năm 2026, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua (như đã nêu tại điểm b Mục 4.2, Phần III).

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra, Hội đồng quản trị xác định một số định hướng và giải pháp trọng tâm như sau:

a. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản trị

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tăng cường phối hợp với Ban Kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm tra hoạt động;
- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển bền vững;
- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đầu tư xây dựng và triển khai các dự án của Công ty.

b. Định hướng, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

- Kiện toàn công tác cán bộ; đổi mới phương thức quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bố trí đúng người, đúng việc; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo và đào tạo lại;
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành theo hướng linh hoạt, bám sát thực tiễn;
- Tập trung giữ vững và phát triển thị trường tiêu thụ, mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và thực hiện các chính sách thu hút, giữ chân người lao động;
- Đẩy mạnh áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm;
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm;
- Triển khai các dự án đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả;
- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường;
- Đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách, việc làm và thu nhập cho người lao động; tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân/đại diện sở hữu (%)	Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 Đại diện sở hữu: 27,06	
2	Văn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0,04 Đại diện sở hữu: 15,04	
3	Trần Thắng	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 Đại diện sở hữu: 25	
4	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 1,16 Đại diện sở hữu: 24,46	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hoàng Ngân. Địa chỉ: Vũ Duy Thanh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
5	Lê Thị Thu Phượng	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 Đại diện sở hữu: 0	

Ghi chú:

- Các thành viên từ mục 1 đến mục 3: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;

- Thành viên mục 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Công ty TNHH Hoàng Ngân;

- Thành viên mục 5: Thành viên HĐQT độc lập.

- Số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như sau:

+ Số lượng: 5 thành viên;

+ Cơ cấu: 4 thành viên đại diện sở hữu của cổ đông lớn; 01 thành viên HĐQT độc lập.

b. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong bối cảnh ngành sản xuất, kinh doanh phân bón trong nước nói chung và Công ty nói riêng còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản trị, điều hành nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp chính thức và 19 lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Trình Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025–2030 theo đúng quy định;

- rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với thực tiễn hoạt động;

- Chỉ đạo, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, trọng tâm là công tác tài chính – kế toán, tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng;

đồng thời triển khai Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bím Sơn, Thanh Hóa”;

- Xem xét, cho ý kiến và giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thông suốt, hiệu quả.

* Các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị năm 2025:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/NQ-HĐQT	23/01/2025	Thông qua việc ký hợp đồng quảng cáo năm 2025 với đơn vị liên quan.	100%
			Thông qua việc ký hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ phân bón năm 2025 với đơn vị có doanh thu $\geq 30\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	80%
			Thông qua việc ký hợp đồng tiêu thụ năm 2025 với đơn vị có doanh thu $\geq 30\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	80%
			Phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025	100%
2	05/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Thông qua chủ trương ký hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ phân bón năm 2025 với đơn vị liên quan.	80%
3	06/QĐ-PLVĐ	23/01/2025	Thông qua chủ trương ký hợp đồng tiêu thụ năm 2025 với đơn vị liên quan	80%
4	07/QĐ-PLVĐ	23/01/2025	Ký hợp đồng quảng cáo năm 2025 với đơn vị liên quan	100%
5	08/QĐ-PLVĐ	23/01/2025	Phê duyệt kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2025	100%
6	10/NQ-HĐQT	07/02/2025	Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025	100%
			Thông qua việc ký kết hợp đồng dịch vụ thuê vận chuyển phân bón và hợp đồng dịch vụ thuê kho chứa phân bón Văn Điển năm 2025	100%
7	11/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Ký hợp đồng với người liên quan trong năm 2025 (Ký kết Hợp đồng thuê kho chứa phân bón năm 2025 và hợp đồng vận chuyển phân bón năm 2025)	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	12/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
9	15/NQ-HĐQT	27/02/2025	Thông qua việc ký kết hợp đồng tiêu thụ với người có liên quan trong năm 2025	100%
			Chấp thuận chủ trương điều chỉnh sản lượng tiêu thụ để ký hợp đồng tiêu thụ phân bón.	100%
10	16/NQ-HĐQT	27/02/2025	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Giao Tổng giám đốc chuẩn bị các tài liệu phục vụ Đại hội, trình Hội đồng quản trị thông qua để gửi cho cổ đông.	100%
11	17/QĐ-HĐQT	27/02/2025	Quyết định ký hợp đồng với người liên quan trong năm 2025: Chấp thuận chủ trương để Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng tiêu thụ phân bón năm 2025 với Công ty TNHH Hoàng Ngân.	100%
12	18/QĐ-HĐQT	27/02/2025	Quyết định điều chỉnh sản lượng tiêu thụ để ký hợp đồng tiêu thụ phân bón với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Minh Tân.	100%
13	20/NQ-HĐQT	05/03/2025	Thông qua việc điều chỉnh thời gian thực hiện hạng mục chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư năm 2025.	100%
			Thông qua việc rút đơn khởi kiện Công ty HUD4 và văn bản chuẩn bị cho việc ký biên bản ghi nhớ thuê đất để triển khai dự án di dời nhà máy và phát triển Công ty	100%
			Thông qua nội dung chính chuẩn bị cho dự án đầu tư xây dựng để triển khai “Chủ trương đầu tư di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, bảo đảm tồn tại và phát triển Công ty”.	100%
14	21/QĐ-PLVĐ	05/03/2025	Quyết định thông qua việc rút Đơn khởi kiện Công ty HUD4 ngày 06/05/2024 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đã nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn. Giao Tổng giám đốc chuẩn bị các nội dung liên quan để ký kết biên bản ghi nhớ thỏa thuận cho thuê đất với công ty HUD4, gửi HUD4.	100%
15	22/QĐ-HĐQT	05/03/2025	Quyết định thông qua nội dung chính chuẩn bị cho dự án đầu tư xây dựng để triển khai “Chủ trương đầu tư di dời Công ty cổ phần Phân lân	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			nung chày Văn Điển, bảo đảm tồn tại và phát triển Công ty".	
16	23/QĐ-HĐQT	05/03/2025	Quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện hạng mục chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư năm 2025.	100%
17	25/NQ-HĐQT	27/03/2025	Công nhận sáng kiến "Nghiên cứu công nghệ thiết bị xây lò bảo ôn để đảm bảo năng suất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất lò cao"	100%
			Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024	60%
			Thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
			Thông qua chương trình, tài liệu phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	60%
18	26/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Thông qua Chương trình, tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	60%
19	28/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Quyết định thành lập Ban Kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100%
20	29/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Quyết định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024	60%
21	30/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Quyết định công nhận sáng kiến "Nghiên cứu công nghệ thiết bị xây lò bảo ôn để đảm bảo năng suất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất lò cao"	100%
22	43/NQ-HĐQT	19/04/2025	Thông qua Chương trình, tài liệu điều chỉnh, Tờ trình bổ sung phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	80%
23	47/NQ-HĐQT	23/04/2025	Thông nhất bầu ông Phùng Ngọc Bộ, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nhiệm kỳ 2025-2030 kể từ ngày 22/04/2025.	100%
24	48/NQ-HĐQT	23/04/2025	Thông qua việc ban hành kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	60%
			Thông qua nội dung sửa đổi "Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và phân phối thu nhập"	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	
			Thông qua việc sửa Quy chế quản lý mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh	80%
			Thông qua việc ban hành Bộ định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng chính trong sản xuất các sản phẩm chủ yếu của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	100%
			Thông qua việc đánh giá khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai cổ phiếu của ông Nguyễn Ngọc Thạch	100%
25	51/NQ-HĐQT	28/04/2025	Thông qua lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo và Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án ĐTXD “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón Văn Điển” dự kiến tại Lô đất CN7, Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	80%
26	52/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Quyết định ban hành “Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và phân phối thu nhập” của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	100%
27	53/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Quyết định ban hành “Bộ định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng chính trong sản xuất các sản phẩm chủ yếu” của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	100%
28	54/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021 – 2026 và giai đoạn 2026 – 2031 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	60%
29	56/NQ-HĐQT	13/05/2025	Thông qua việc Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
30	56A/NQ-HĐQT	13/05/2025	Thông qua việc điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.	100%
			Thông qua một số nội dung để chuẩn bị thương thảo ký hợp đồng thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô đất CN7 – Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – Thanh Hóa	80%
			Thông qua việc điều chỉnh chức danh hệ số công việc của các Thành viên Ban điều hành Công ty.	80%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
31	58/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định về việc thông qua một số nội dung để chuẩn bị thương thảo ký hợp đồng thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô đất CN7 – Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – Thanh Hóa.	80%
32	59/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định về việc điều chỉnh Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	100%
33	60/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Tổng giám đốc Công ty.	80%
34	61/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Phó Tổng giám đốc Công ty (ông Phạm Quang Trung)	80%
35	62/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Phó Tổng giám đốc Công ty (ông Trần Thắng)	80%
36	63/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Trưởng ban kiểm soát công ty.	80%
37	64/QĐ-HĐQT	20/04/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Phụ trách kế toán Công ty	80%
38	65/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Quyết định Điều chỉnh hệ số chức danh công việc của Phó Tổng giám đốc Công ty (ông Nghiêm Đức Toàn)	80%
39	66/NQ-HĐQT	27/05/2025	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	80%
			Thông qua nội dung việc hoàn thiện sửa quy chế quản lý mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất.	80%
40	67/QĐ-HĐQT	27/05/2025	Quyết định Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.	80%
41	68/QĐ-HĐQT	27/05/2025	Quyết định Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.	80%
42	69/QĐ-HĐQT	27/05/2025	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý mua sắm vật tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	80%
43	73/NQ-HĐQT	10/06/2025	Thông nhất đề nghị Đảng ủy Công ty xem xét, cho ý kiến về chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
44	78/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông qua việc Điều chỉnh quy mô và công suất của dự án đầu tư di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (Dự án ĐTXD “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển”)	80%
45	79/NQ-HĐQT	26/06/2025	Thông qua việc Điều chỉnh quy mô và công suất của dự án di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển và ký kết hợp đồng sơ bộ thuê Đất gắn với hạ tầng kỹ thuật tại CN7 khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn – Thanh Hóa.	80%
46	80/NQ-HĐQT	30/6/2025	Phê duyệt đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ Kiểm toán Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025.	100%
			Quyết định Thương cho Người quản lý của Công ty năm 2024	100%
			Thông qua nội dung chính Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	100%
			Ghi nhận Báo cáo sản xuất kinh doanh trong Quý II năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Quý III năm 2025	100%
			Thông qua một số nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án tại Bim Sơn, Thanh Hóa	100%
47	81/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định về việc Thương cho Người quản lý của Công ty năm 2024	100%
48	82/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	100%
49	83/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định Phê duyệt đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025.	100%
50	86/NQ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua việc đính chính, sửa lỗi nội dung “Quy chế Quản lý hoạt động sáng kiến”.	100%
			Thông qua việc Thay đổi thông tin trên mẫu dấu Công ty do thay đổi địa giới hành chính.	100%
51	87/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Quyết định đính chính, sửa lỗi nội dung “Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến”	100%
52	88/NQ-HĐQT	04/08/2025	Phê duyệt nội dung dự thảo Hợp đồng thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại lô CN7 dự án Khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn để xây	80%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			dựng dự án nhf máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển	
53	90/NQ-HĐQT	13/08/2025	Phê duyệt Kế hoạch, chuyển đề Kiểm toán nội bộ và kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp “Kiểm toán nội bộ” năm 2025 và năm 2026	80%
			Thông qua chủ trương cho áp dụng sáng kiến “Nghiên cứu, thiết kế lò cao thay đổi tỉ lệ H/D để tăng năng suất lò lên dự kiến từ 5 + 10%”	100%
54	91/QĐ-HĐQT	13/08/2025	Quyết định Phê duyệt Kế hoạch, chuyển đề Kiểm toán nội bộ và kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp “Kiểm toán nội bộ” năm 2025 và năm 2026	100%
55	93/NQ-HĐQT	04/09/2025	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ.	100%
			Thông qua việc Bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
			Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện Lập báo cáo Quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện và Đơn vị kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện – Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn – Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 do BQL khu kinh tế Nghi Sơn cấp ngày 16/01/2013	100%
			Thông qua việc Rà soát, bổ sung nhân sự quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	100%
56	94/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định về việc bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
57	95/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định việc lựa chọn đơn vị thực hiện Lập báo cáo Quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện và Đơn vị kiểm toán báo cáo quyết toán, thanh lý dự án dừng thực hiện – Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn – Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 do BQL khu kinh tế Nghi Sơn cấp ngày 16/01/2013	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
58	96/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung nhân sự quy hoạch giai đoạn 2021-2026 các chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	100%
59	97/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung nhân sự quy hoạch giai đoạn 2026-2031 các chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	100%
60	99/NQ-HĐQT	12/09/2025	Thông qua việc Ký kết hợp đồng mua quặng Apatit xuất xứ Ai Cập với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Cát Long	60%
61	102/NQ-HĐQT	24/09/2025	Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
62	103/NQ-HĐQT	24/09/2025	Thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng với người liên quan trong năm 2025 (Công ty TNHH Hoàng Ngân – Điều chỉnh mức tăng giá cước vận chuyển)	50%
			Thông qua nội dung dự thảo “Quy chế quan hệ công tác giữa Đảng ủy – Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc”	100%
63	104/QĐ-HĐQT	24/09/2025	Quyết định ký kết phụ lục hợp đồng với người liên quan trong năm 2025 (Công ty TNHH Hoàng Ngân – Điều chỉnh mức tăng giá cước vận chuyển)	50%
64	106/NQ-HĐQT	03/10/2025	Phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển) tại Khu B – KCN Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa.	80%
			Thành viên HĐQT độc lập yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về dự án thuê đất tại khu B, khu CN Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	60%
65	107/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Quyết định Phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (di dời Công ty cổ phần Phân lân nung	80%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			cháy Văn Điển) tại Khu B – KCN Bim Sơn – tỉnh Thanh Hóa.	
66	109/NQ-HĐQT	21/10/2025	Báo cáo sản xuất kinh doanh trong Quý III và 09 tháng năm 2025; Kế hoạch SXKD trong Quý IV năm 2025	100%
			Thông qua Ký hợp đồng với người liên quan trong năm 2026	75%
			Thông qua Thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	80%
			Thông qua chương trình, tài liệu phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	80%
67	112/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Quyết định Thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	80%
68	113/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Thông qua chương trình, tài liệu phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	80%
69	114/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Quyết định Ký hợp đồng với người liên quan trong năm 2026 – Công ty TNHH Hoàng Ngân	75%
70	120/QĐ-HĐQT	27/10/2025	Quyết định Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty	100%
71	123/NQ-HĐQT	19/11/2025	Thông qua Thanh lý tài sản cố định	100%
			Thông qua nội dung gửi Thông báo tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc Công ty hiện chưa đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông của Công ty đại chúng	60%
72	124/QĐ-HĐQT	19/11/2025	Quyết định Thanh lý tài sản cố định	100%
73	128/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua Sửa đổi mức lương cơ sở trong hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương	60%
			Báo cáo về việc ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán nguyên nhiên liệu để phục vụ sản xuất trong năm 2025 với một số khách hàng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt	60%
			Thông qua Ký kết hợp đồng mua nguyên liệu phân bón để phục vụ sản xuất trong năm 2026	75%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			và một số Công ty thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	
			Thông qua Ký kết hợp đồng mua quặng Apatit để phục vụ sản xuất trong năm 2026 với Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	60%
			Thông qua Ký kết hợp đồng mua bán than cục 2a.4 để phục vụ sản xuất trong năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	60%
			Thông qua Phê duyệt kế hoạch tiêu thụ sản phẩm phân lân Văn Điển năm 2026	60%
			Thông qua Ký hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ phân bón năm 2026 với đơn vị có doanh thu $\geq 30\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	60%
			Thông qua Ký hợp đồng mua bán năm 2026 với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	60%
			Thông qua Báo cáo kiểm điểm, tự đánh giá, xếp loại chất lượng của Tập thể Hội đồng quản trị công ty năm 2025.	60%
74	130/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Ký kết hợp đồng mua nguyên liệu phân bón để phục vụ sản xuất trong năm 2026 và một số Công ty thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	75%
75	131/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Ký kết hợp đồng mua quặng Apatit để phục vụ sản xuất trong năm 2026 với Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	60%
76	132/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Ký kết hợp đồng mua bán than cục 2a.4 để phục vụ sản xuất trong năm 2026 với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	60%
77	133/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Ký hợp đồng mua bán năm 2026 với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	60%
78	134/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch tiêu thụ sản phẩm phân lân Văn Điển năm 2026	60%
79	135/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định Ký hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ phân bón năm 2026 với đơn vị có doanh thu $\geq$	60%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	
80	137/NQ-HĐQT	25/12/2025	Phê duyệt chế độ bảo hiểm và trang phục cho cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện trong năm 2026.	100%
			Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026	100%
			Thông qua Ký kết hợp đồng với người có liên quan trong năm 2026	75%
			Phê duyệt kế hoạch đầu tư thị trường năm 2026	100%
			Thông qua Thành lập Tổ quản lý, giám sát triển khai Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (Dự án di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển)	80%
			Thông qua chủ trương Điều chỉnh cốt nền lô đất CN7, dự án nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (Di dời Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển) – Giai đoạn 1	80%
81	138/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Quyết định Ký kết hợp đồng với người có liên quan trong năm 2026	75%
82	139/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Quyết định Phê duyệt chế độ bảo hiểm và trang phục cho cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện trong năm 2026.	100%
83	140/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026	100%
84	141/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch đầu tư thị trường năm 2026	100%
85	142/QĐ-HĐQT	16/12/2025	Quyết định ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	60%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các khóa đào tạo: Không có

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Mạch	Trưởng BKS	25/4/2022	Cử nhân
2	Nguyễn Xuân Long	Thành viên	23/4/2024	Cử nhân
3	Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	28/6/2020	Cao đẳng

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Mạch	3/3	100%	
2	Nguyễn Xuân Long	3/3	100%	
3	Nguyễn Thị Sơn	3/3	100%	

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để triển khai các công việc và tiến hành các hoạt động phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ thực hiện Điều lệ, Quy chế và các quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024;
- Kiểm tra công tác điều hành giá bán sản phẩm, công tác tiêu thụ, ký kết các hợp đồng bán sản phẩm, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ, tiêu hao nguyên vật liệu...
- Kiểm tra công tác Đầu tư xây dựng cơ bản và dự án đầu tư.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2025:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	0	105.000.000	195.000.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	78.000.000	0	99.000.000	177.000.000
3	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	24.050.000	0	39.000.000	63.050.000
4	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT độc lập	37.700.000	0	8.000.000	45.700.000
5	Lê Thị Thu Phương	Thành viên HĐQT độc lập	9.750.000	0	2.000.000	11.750.000
II	Thành viên Hội đồng quản trị/ Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	78.000.000	1.540.680.959	240.410.000	1.859.090.959
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	0	926.714.017	110.650.000	1.037.364.017
3	Trần Thắng	Thành viên. HĐQT, Phó Tổng giám đốc	78.000.000	856.156.240	111.650.000	1.045.806.240
4	Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	0	824.984.353	129.900.000	954.884.353
III	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Mạch	Trưởng BKS	0	740.277.408	32.050.000	772.327.408
2	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	66.000.000	0	21.800.000	87.800.000
3	Nguyễn Xuân Long	Kiểm soát viên	66.000.000	0	16.475.000	82.475.000
IV	Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng	0	744.866.106	51.350.000	796.216.106

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2025:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Ngọc Thạch	Người nội bộ	136.107	0,36	436.107	1,16	Mua thêm
2	Nghiêm Đức Toàn	Người nội bộ	89.376	0,24	121.976	0,323	Mua thêm
2.1	Nghiêm Thị Nhung	Chị ruột Ông Nghiêm Đức Toàn	1.010.024	2,68	1.056.424	2,8	Mua thêm
2.2	Phạm Thị Thu Hương	Vợ Ông Nghiêm Đức Toàn	15.660	0,04	30.760	0,08	Mua thêm

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2025:

STT	Tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
1	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Nhận cổ tức năm 2024
2	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Chịu chung một sự kiểm soát	Mua nguyên liệu phục vụ sản xuất (quặng Apatit)
3	Trường cao đẳng Công nghiệp Hóa chất	Chịu chung một sự kiểm soát	Chi phí đào tạo
4	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông lớn của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển; người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Thạch - Thành viên HĐQT Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển (Ông Nguyễn Ngọc Thạch là Chủ tịch HĐQT-Tổng giám đốc Công ty TNHH Hoàng Ngân).	1. Thuê dịch vụ vận chuyển hàng hóa 2. Thuê dịch vụ thuê kho chứa hàng 3. Hợp đồng tiêu thụ phân bón năm 2025. 4. Nhận cổ tức năm 2024
5	Trung tâm thông tin KHKT Hóa chất	Chịu chung một sự kiểm soát	Hợp đồng quảng cáo
6	Công ty cổ phần Thiết kế CN Hóa chất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1. Hợp đồng lập báo cáo đề xuất dự án đầu tư. 2. Hợp đồng lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

STT	Tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
7	Trung tâm TM và DV Hóa chất	Chịu chung một sự kiểm soát	Hợp đồng mua hàng
8	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1- Hợp đồng tiêu thụ phân bón năm 2025.
			2- Hợp đồng thuê kho

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
(Được đính kèm theo). ✓

Xác nhận của Người đại diện
theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Văn Hồng Sơn

CÔNG TY CỔ
PHẦN PHÂN
LÂN NUNG
CHẢY VẦN
ĐIỂN P

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN PHÂN LÂN
NUNG CHẢY VẦN ĐIỆN
ĐN: C=VN, S=THÀNH PHỐ
HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN PHÂN LÂN NUNG
CHẢY VẦN ĐIỆN,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:0100103143
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026-03-16 10:59:42



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẢY VẦN ĐIỆN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 40
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>06 - 07</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>08</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>09 - 10</i>
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	<i>11 - 40</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 06 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch	
Ông: Văn Hồng Sơn	Thành viên	
Ông: Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên	
Ông: Trần Thắng	Thành viên	
Bà: Lê Thị Thu Phương	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2025)
Bà: Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2025)
		(Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)
Bà: Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2025)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Văn Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nghiêm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Mạch	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Sơn	Thành viên
Ông: Nguyễn Xuân Long	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Văn Hồng Sơn - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được lập ngày 09 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đã dừng triển khai dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa nhưng vẫn chưa ghi nhận tổn thất đối với các khoản chi phí đã đầu tư vào dự án tính đến ngày 31/12/2025 là 24,709 tỷ VND (*Thuyết minh số 10 và số 37 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*). Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính đính kèm của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Đức Trọng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4062-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		901.875.420.479	1.034.478.289.572
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	415.167.930.770	399.246.076.091
111	1. Tiền		285.167.930.770	169.246.076.091
112	2. Các khoản tương đương tiền		130.000.000.000	230.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	140.000.000.000	165.684.860.441
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		140.000.000.000	165.684.860.441
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.159.888.902	14.908.474.663
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.111.596.608	1.870.285.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4.501.083.693	7.553.311.975
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	6.369.279.854	7.345.948.688
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.822.071.253)	(1.861.071.253)
140	IV. Hàng tồn kho	09	288.039.463.897	440.916.580.657
141	1. Hàng tồn kho		288.039.463.897	440.916.580.657
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.508.136.910	13.722.297.720
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	9.961.960.829	13.375.960.847
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		37.546.176.081	346.336.873
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		310.282.736.102	40.902.423.711
220	I. Tài sản cố định		6.790.519.712	8.868.297.536
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.788.844.431	7.535.056.891
222	- Nguyên giá		188.760.445.544	190.460.629.007
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182.971.601.113)	(182.925.572.116)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	988.503.243	1.313.401.935
225	- Nguyên giá		1.529.477.790	1.594.080.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.974.547)	(280.678.065)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	13.172.038	19.838.710
228	- Nguyên giá		34.672.662.000	34.672.662.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.659.489.962)	(34.652.823.290)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	10	25.140.857.740	25.332.612.740
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		25.140.857.740	25.332.612.740
260	III. Tài sản dài hạn khác		278.351.358.650	6.701.513.435
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	278.351.358.650	2.181.792.482
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	-	4.519.720.953
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.212.158.156.581</u>	<u>1.075.380.713.283</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		554.527.702.535	544.148.145.636
310	I. Nợ ngắn hạn		554.066.359.586	543.456.131.211
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	53.411.762.440	17.458.084.896
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	98.001.915.344	33.227.231.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	17.824.028.342	4.796.343.404
314	4. Phải trả người lao động		57.335.710.256	24.082.198.278
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	6.671.465.960	5.098.455.222
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	302.439.096.019	443.165.581.706
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	230.671.476	230.671.476
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	15.909.658.051	12.751.718.757
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.242.051.698	2.645.845.576
330	II. Nợ dài hạn		461.342.949	692.014.425
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	461.342.949	692.014.425
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		657.630.454.046	531.232.567.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	657.630.454.046	531.232.567.647
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		376.653.480.000	376.653.480.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		376.653.480.000	376.653.480.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		95.742.960.293	77.474.441.928
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.281.900.000	3.281.900.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		181.952.113.753	73.822.745.719
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.531.998.232	2.876.674.076
421b	LNST chưa phân phối năm nay		170.420.115.521	70.946.071.643
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.212.158.156.581	1.075.380.713.283

Người lập biểu

Dor

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Sen

Nguyễn Thị Sen

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.620.016.338.396	1.220.293.850.417
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		6.108.771.302	20.989.500
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.613.907.567.094	1.220.272.860.917
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.205.236.281.256	940.067.294.328
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		408.671.285.838	280.205.566.589
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	20.439.818.752	7.756.917.679
22	7. Chi phí tài chính	27	1.067.591.067	4.105.781.745
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		73.514.684	89.529.500
25	8. Chi phí bán hàng	28	159.341.721.058	174.910.377.556
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	55.270.395.966	31.920.508.097
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		213.431.396.499	77.025.816.870
31	11. Thu nhập khác	30	323.251.364	11.907.630.366
32	12. Chi phí khác	31	583.708.872	1.275
40	13. Lợi nhuận khác		(260.457.508)	11.907.629.091
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		213.170.938.991	88.933.445.961
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	38.231.102.517	14.135.083.423
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	4.519.720.953	3.852.290.895
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		170.420.115.521	70.946.071.643
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	4.525	1.884

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Sen

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		213.170.938.991	88.933.445.961
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(17.912.977.063)	(6.630.162.347)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.709.585.151	3.596.867.656
03	- Các khoản dự phòng		(39.000.000)	2.295.269.076
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(55.241.442)	(117.323.080)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.601.835.456)	(5.494.505.499)
06	- Chi phí lãi vay		73.514.684	89.529.500
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(7.000.000.000)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		195.257.961.928	82.303.283.614
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(33.194.239.301)	15.174.247.739
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		152.877.116.760	(12.730.588.149)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(969.418.432)	401.221.291.407
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(272.755.566.150)	57.161.362.284
14	- Tiền lãi vay đã trả		(73.514.684)	(89.529.500)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(26.875.801.169)	(23.376.540.069)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		652.357.210	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.760.675.000)	(5.768.850.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.158.221.162	513.894.677.326
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(464.270.200)	(1.226.713.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(390.000.000.000)	(215.684.860.441)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		415.684.860.441	50.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.383.821.310	2.961.395.499
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		45.604.411.551	(163.950.177.942)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
35	1. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(230.671.476)	(230.671.476)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37.665.348.000)	(37.667.568.625)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.896.019.476)	(37.898.240.101)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.866.613.237	312.046.259.283
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		399.246.076.091	87.082.493.728
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		55.241.442	117.323.080
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	415.167.930.770	399.246.076.091

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Sen

Văn Hồng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 06 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 376.653.480.000 VND; tương đương 37.665.348 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 345 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 343 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy và phân bón NPK.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, bao bì;
- Xuất khẩu phân lân nung chảy và phân bón khác;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2025 do biến động của giá bán cũng như điều kiện thời tiết thuận lợi dẫn đến nhu cầu của thị trường phân bón gia tăng, tổng doanh thu của Công ty đã đạt mức 1.620,01 tỷ VND, tăng khoảng 32,75% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, giá vốn tăng 265,169 tỷ VND, tăng khoảng 28,21% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 128,466 tỷ VND. Ngoài ra, doanh thu tài chính tăng mạnh 12,7 tỷ VND so với năm trước đến từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ tiền nhân rồi. Kết quả, lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng tăng mạnh đạt 124,237 tỷ VND, tăng 139,7% so với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Bản quyền sáng chế	02 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.
- Chi phí vận chuyển: Là chi phí vận chuyển tương ứng đối với lượng hàng gửi bán đã vận chuyển tới các địa điểm thuê kho và được phân bổ vào chi phí khi bán cho khách hàng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 tháng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho thuê tài chính. Trường hợp nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	982.200.978	411.574.759
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	284.185.729.792	168.834.501.332
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	230.000.000.000
	415.167.930.770	399.246.076.091

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 130.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 4,75 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	140.000.000.000	-	165.684.860.441	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	140.000.000.000	-	165.684.860.441	-
	140.000.000.000	-	165.684.860.441	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 140.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5 %/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên khác</i>	2.111.596.608	(1.822.071.253)	1.870.285.253	(1.861.071.253)
- Hoàng Văn Định	885.995.200	(885.995.200)	924.995.200	(924.995.200)
- Các khách hàng khác	1.225.601.408	(936.076.053)	945.290.053	(936.076.053)
	2.111.596.608	(1.822.071.253)	1.870.285.253	(1.861.071.253)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	969.824.215	-	920.324.215	-
- Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	969.824.215	-	920.324.215	-
<i>Bên khác</i>	3.531.259.478	-	6.632.987.760	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Dịch vụ Minh Hiếu	72.417.891	-	4.883.726.910	-
- Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam	1.134.765.097	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.324.076.490	-	1.749.260.850	-
	4.501.083.693	-	7.553.311.975	-

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025(Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	1.633.350.000	-	2.581.320.000	-
- Phải thu tạm ứng	242.971.147	-	1.475.597.225	-
- Ký cược, ký quỹ	192.000.000	-	192.000.000	-
- Phải thu khác	4.300.958.707	-	3.097.031.463	-
	6.369.279.854	-	7.345.948.688	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ <i>Phải thu khách hàng</i>	1.822.071.253	-	1.861.071.253	-
Hoàng Văn Định	885.995.200	-	924.995.200	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương (*)	377.625.324	-	377.625.324	-
Ban kinh tế - xã hội Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên	351.831.332	-	351.831.332	-
Các đối tượng khác	206.619.397	-	206.619.397	-
	1.822.071.253	-	1.861.071.253	-

(*) Công ty đã thực hiện kiện Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Bản án số 13/2017/KDTM-PT ngày 26/5/2017, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên án Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển với số tiền nợ gốc là 546.977.261 VND; số tiền lãi phát sinh là 1.053.020.316 VND. Sau khi trả một phần nợ gốc, đến nay, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Dương chưa thanh toán phần tiền gốc còn lại và phần tiền lãi phát sinh cho Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	139.434.895.587	-	132.707.050.688	-
- Công cụ, dụng cụ	800.223.621	-	974.062.411	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.583.112.225	-	37.809.743.541	-
- Thành phẩm	121.094.703.510	-	269.425.724.017	-
- Hàng hóa	126.528.954	-	-	-
	288.039.463.897	-	440.916.580.657	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- <i>Mua sắm</i>	431.000.000	35.000.000
+ Công trình cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy	431.000.000	35.000.000
- <i>Xây dựng cơ bản</i>	24.709.857.740	25.297.612.740
+ Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển (*)	24.709.857.740	25.297.612.740
	25.140.857.740	25.332.612.740

(*) Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điển theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013 được phê duyệt theo quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông, với thông tin cụ thể như sau:

- Địa điểm xây dựng: Khu B, Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Mục đích xây dựng: Sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK;
- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Dự kiến thực hiện từ quý IV/2015 và hoàn thành trong quý II/2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/04/2019, chấp thuận cho Công ty tiếp tục giãn tiến độ thực hiện Dự án;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2025:
- + Dự án thực hiện hạng mục san nền và đã tạm dừng thi công do vướng mắc từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 (là đơn vị cho Công ty thuê lại đất để triển khai dự án) đã ký hợp đồng cho thuê đất khi chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Cụ thể ký hợp đồng thuê đất ngày 31/05/2013 nhưng đến ngày 06/02/2018 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
- + Do vướng mắc nêu trên nên Công ty đã kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 (xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số 37*) và đã được Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn (nay là phường Bim Sơn), tỉnh Thanh Hóa xử thắng kiện. Công ty cũng đã nhận được một phần tiền bồi thường từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 (*Thuyết minh số 30*).
- + Đến ngày 31/5/2023, Công ty đã nhận được Quyết định số 135/QĐ-BQLKKTNS & KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; và Quyết định số 140/QĐ-BQLKKTNS & KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- + Tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt về thực dừng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013.
- Đối với các chi phí đầu tư dở dang vào dự án này, Công ty đang trong quá trình rà soát lại toàn bộ để đánh giá tổn thất cũng như có phương án khắc phục phù hợp.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	59.020.079.940	85.410.769.159	44.661.851.114	1.367.928.794	190.460.629.007
- Mua trong năm	-	467.037.037	-	229.372.500	696.409.537
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.396.593.000)	-	(2.396.593.000)
Số dư cuối năm	59.020.079.940	85.877.806.196	42.265.258.114	1.597.301.294	188.760.445.544
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	58.958.214.697	81.903.411.043	40.700.388.347	1.363.558.029	182.925.572.116
- Khấu hao trong năm	61.865.243	1.233.196.542	1.143.066.128	4.494.084	2.442.621.997
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.396.593.000)	-	(2.396.593.000)
Số dư cuối năm	59.020.079.940	83.136.607.585	39.446.861.475	1.368.052.113	182.971.601.113
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	61.865.243	3.507.358.116	3.961.462.767	4.370.765	7.535.056.891
Tại ngày cuối năm	-	2.741.198.611	2.818.396.639	229.249.181	5.788.844.431
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				175.621.512.394 VND	

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.594.080.000	1.594.080.000
- Giảm khác	(64.602.210)	(64.602.210)
Số dư cuối năm	1.529.477.790	1.529.477.790
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	280.678.065	280.678.065
- Khấu hao trong năm	260.296.482	260.296.482
Số dư cuối năm	540.974.547	540.974.547
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.313.401.935	1.313.401.935
Tại ngày cuối năm	988.503.243	988.503.243

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	bằng sáng chế (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	34.193.162.000	479.500.000	34.672.662.000
Số dư cuối năm	34.193.162.000	479.500.000	34.672.662.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	34.193.162.000	459.661.290	34.652.823.290
- Khấu hao trong năm	-	6.666.672	6.666.672
Số dư cuối năm	34.193.162.000	466.327.962	34.659.489.962
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	19.838.710	19.838.710
Tại ngày cuối năm	-	13.172.038	13.172.038

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

(*) Bản quyền bằng sáng chế được đánh giá ghi nhận tăng năm 2009 (tại thời cổ phần hóa xác định giá trị doanh nghiệp) gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế số 1991 do Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với tên sáng chế là Lò cao sản xuất phân lân nung, Chủ bằng: Công ty Phân lân Nung chảy Văn điển; Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt. Được cấp ngày 12/4/2001, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 20 năm.
- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 265 do Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp, với Tên sáng chế là "Thiết bị và Phương pháp sàng rửa phân loại nguyên liệu", Chủ bằng: Công ty Phân lân Nung chảy Văn điển; Tác giả: Bùi Quang Lanh và Nguyễn Văn Việt. Được cấp ngày 09/8/2001, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 (Đã điều chỉnh) VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí vận chuyển của hàng chưa tiêu thụ	9.377.493.700	12.735.557.640
- Chi phí lắp đặt biển quảng cáo	559.014.447	492.517.742
- Các khoản khác	25.452.682	147.885.465
	9.961.960.829	13.375.960.847
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê hạ tầng kỹ thuật khu B Khu Công nghiệp Bim Sơn (*)	276.492.082.266	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.311.306.490	1.302.496.141
- Các khoản khác	547.969.894	879.296.341
	278.351.358.650	2.181.792.482

(*) Căn cứ vào Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 22/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương tiếp tục đầu tư đi dời Công ty, Theo đó Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng số 04/2025/HĐTH/HUD4-VADFCO ngày 04/08/2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 về việc Thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại Lô CN7, Khu B - Khu Công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để triển khai dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển theo Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 ngày 23/07/2025 của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn (Chi tiết tại Thuyết minh số 37). Tiền thuê đất sẽ được phân bổ vào chi phí dự kiến kể từ khi Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển đi vào hoạt động.

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Nợ dài hạn đến hạn trả	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476	230.671.476
	<u>230.671.476</u>	<u>230.671.476</u>	<u>230.671.476</u>	<u>230.671.476</u>	<u>230.671.476</u>	<u>230.671.476</u>
b) Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Nợ thuê tài chính dài hạn	922.685.901	922.685.901	-	230.671.476	692.014.425	692.014.425
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	922.685.901	922.685.901	-	230.671.476	692.014.425	692.014.425
	<u>922.685.901</u>	<u>922.685.901</u>	<u>-</u>	<u>230.671.476</u>	<u>692.014.425</u>	<u>692.014.425</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(230.671.476)	(230.671.476)	(230.671.476)	(230.671.476)	(230.671.476)	(230.671.476)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>692.014.425</u>	<u>692.014.425</u>			<u>461.342.949</u>	<u>461.342.949</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

- (1) Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.159/2023/TSC-CTTC ngày 05/12/2023 về việc thuê tài sản là 01 xe ô tô con Toyota Camry 2.5Q với thời hạn là 60 tháng. Lãi suất cho vay điều chỉnh theo thông báo của bên cho thuê.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	8.503.735.172	8.503.735.172	5.823.553.611	5.823.553.611
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	3.594.392.393	3.594.392.393	3.338.038.263	3.338.038.263
- Công ty TNHH Hoàng Ngân	4.909.342.779	4.909.342.779	2.485.515.348	2.485.515.348
Bên khác	44.908.027.268	44.908.027.268	11.634.531.285	11.634.531.285
- Công ty TNHH LOGISTICS Long Bình	1.727.321.988	1.727.321.988	1.365.128.369	1.365.128.369
- Công ty Cổ phần Đại Hữu	6.751.652.400	6.751.652.400	2.435.916.920	2.435.916.920
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Điền Lộc Phát	7.187.457.550	7.187.457.550	-	-
- Đối tượng khác	30.968.917.318	30.968.917.318	7.833.485.996	7.833.485.996
	53.411.762.440	53.411.762.440	17.458.084.896	17.458.084.896

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác	98.001.915.344	33.227.231.896
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông Nghiệp Bình Thuận	-	8.019.500.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	70.404.100	4.499.250.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Tấn An	15.801.500.592	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đông Hưng	28.835.459.605	-
- Công ty TNHH Thương mại đầu tư Xuất nhập khẩu Khôi Nguyên	12.023.953.825	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đặng Chấn	12.930.687.720	-
- Các khách hàng khác	28.339.909.502	20.708.481.896
	98.001.915.344	33.227.231.896

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	16.618.041	350.878.585	367.496.626	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.232.179.770	1.232.179.770	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.527.177.380	38.231.102.517	26.875.801.169	-	15.882.478.728
- Thuế thu nhập cá nhân	-	248.467.223	3.808.206.028	2.119.247.117	-	1.937.426.134
- Thuế tài nguyên	-	4.080.760	57.932.640	57.889.920	-	4.123.480
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.615.016.367	3.615.016.367	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	91.652.000	91.652.000	-	-
	-	4.796.343.404	47.386.967.907	34.359.282.969	-	17.824.028.342

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước tiền chiết khấu khách hàng	-	1.837.775.500
- Chi phí phải trả khác	6.671.465.960	3.260.679.722
	6.671.465.960	5.098.455.222

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	1.430.026.717	1.280.364.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	131.151.334	131.151.334
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.877.917.968	441.754.065.661
+ Phải trả quỹ an sinh	568.173.233	742.965.233
+ Phải trả các đại lý tiền ký quỹ	297.122.124.002	440.902.559.911
+ Phải trả khác	3.187.620.733	108.540.517
	302.439.096.019	443.165.581.706
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân	-	189.598.151.535
- Công ty TNHH Hoàng Ngân	62.534.619.000	-
- Công ty TNHH LOGISTICS Long Bình	63.933.586.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoá chất Miền Nam	61.874.324.150	65.588.177.000
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nghĩa Phát	27.754.585.436	21.643.545.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Đầu tư Phát triển Hoàng Phát	37.831.619.000	123.409.785.000
- Phải trả khác	48.510.362.433	42.925.923.171
	302.439.096.019	443.165.581.706

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ tiền lương dự phòng	15.909.658.051	12.751.718.757
	15.909.658.051	12.751.718.757

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	376.653.480.000	57.250.583.876	3.281.900.000	67.715.916.145	504.901.880.021
Lãi trong năm trước	-	-	-	70.946.071.643	70.946.071.643
Phân phối lợi nhuận	-	20.223.858.052	-	(64.839.242.069)	(44.615.384.017)
Số dư cuối năm trước	376.653.480.000	77.474.441.928	3.281.900.000	73.822.745.719	531.232.567.647
Số dư đầu năm nay	376.653.480.000	77.474.441.928	3.281.900.000	73.822.745.719	531.232.567.647
Lãi trong năm nay	-	-	-	170.420.115.521	170.420.115.521
Phân phối lợi nhuận	-	18.268.518.365	-	(62.290.747.487)	(44.022.229.122)
Số dư cuối năm nay	376.653.480.000	95.742.960.293	3.281.900.000	181.952.113.753	657.630.454.046

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	60.895.061.218
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	18.268.518.365
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	6.356.881.122
Chi trả cổ tức	37.665.348.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 100 đồng)	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	252.568.870.000	67,05	252.568.870.000	67,05
Công ty TNHH Hoàng Ngân	92.155.970.000	24,47	92.155.970.000	24,47
Cổ đông khác	31.928.640.000	8,48	31.928.640.000	8,48
Tổng cộng	376.653.480.000	100,00	376.653.480.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	376.653.480.000	376.653.480.000
- Vốn góp cuối năm	376.653.480.000	376.653.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	131.151.334	133.371.959
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	37.665.348.000	37.665.348.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	37.665.348.000	37.665.348.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(37.665.348.000)	(37.667.568.625)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(37.665.348.000)	(37.667.568.625)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	131.151.334	131.151.334

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	37.665.348	37.665.348
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.665.348	37.665.348
- Cổ phiếu phổ thông	37.665.348	37.665.348
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	95.742.960.293	77.474.441.928
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.281.900.000	3.281.900.000
	99.024.860.293	80.756.341.928

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuế ngoài

Công ty ký Hợp đồng thuê các kho hàng tại các địa phương (gia hạn hợp đồng hàng năm) để sử dụng với mục đích lưu trữ hàng hóa. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê kho hàng tháng theo đơn giá đã ký kết.

Công ty ký Hợp đồng thuê đất tại xã Đại Thanh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích sản xuất phân lân. Diện tích sử dụng đất là 85.000 m² với thời hạn là 12 tháng. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký Hợp đồng thuê đất tại Lô CN7, Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích thực hiện đầu tư dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển. Diện tích sử dụng đất là 225.421,1 m² với thời hạn là 33 tháng. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ	USD	112.270,15	50.731,76

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán phân lân các loại	1.614.600.999.473	1.217.687.258.893
Doanh thu khác	5.415.338.923	2.606.591.524
	1.620.016.338.396	1.220.293.850.417
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	322.430.240.100	219.591.813.000

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của phân lân các loại	1.199.492.261.874	939.274.755.404
Giá vốn sản phẩm khác	5.744.019.382	792.538.924
	1.205.236.281.256	940.067.294.328
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	191.627.550.332	247.151.914.507

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.383.821.310	5.494.505.499
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	756.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	55.241.442	117.323.080
Chiết khấu thanh toán	-	2.145.089.100
	20.439.818.752	7.756.917.679
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	-	2.145.089.100

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	73.514.684	89.529.500
Chiết khấu thanh toán	-	1.581.645.000
Lãi đặt cọc mua hàng	888.497.029	2.373.642.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	105.579.354	60.965.245
	1.067.591.067	4.105.781.745
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	-	446.974.000

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.173.732.533	2.578.862.417
Chi phí nhân công	9.702.684.149	7.269.565.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.036.128	377.321.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.225.620.612	146.648.009.994
Chi phí khác bằng tiền	21.095.647.636	18.036.618.567
	159.341.721.058	174.910.377.556

Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	47.261.525.500	67.833.421.237
--	----------------	----------------

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.667.331.971	2.030.392.915
Chi phí nhân công	35.634.687.074	19.606.861.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.322.481	555.865.391
Hoàn nhập dự phòng	(39.000.000)	(33.000.000)
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	-	(7.000.000.000)
Thuế, phí và lệ phí	3.767.601.007	8.887.468.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.354.835.250	3.357.531.330
Chi phí khác bằng tiền	4.551.618.183	4.515.388.300
	55.270.395.966	31.920.508.097

Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	744.444.444	-
--	-------------	---

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	218.014.146	-
Tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng (*)	-	11.863.105.268
Thu nhập khác	105.237.218	44.525.098
	323.251.364	11.907.630.366

Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	-	7.850.000
--	---	-----------

(*) Căn cứ vào Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/09/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn (nay là phường Bim Sơn), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 phải bồi thường cho Công ty với tổng số tiền là 11.863.105.268 VND.

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	583.178.358	-
Chi phí khác	530.514	1.275
	583.708.872	1.275

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	213.170.938.991	88.933.445.961
- Thu nhập đã tính thuế năm trước liên quan quỹ KHCN	-	(7.000.000.000)
- Các khoản điều chỉnh khác	(22.015.426.405)	(11.258.028.848)
Thu nhập chịu thuế TNDN	191.155.512.586	70.675.417.113
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	38.231.102.517	14.135.083.423
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.527.177.380	13.768.634.026
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(26.875.801.169)	(23.376.540.069)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	15.882.478.728	4.527.177.380

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	4.519.720.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.519.720.953

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(4.519.720.953)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.519.720.953	8.372.011.848
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.519.720.953	3.852.290.895

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	170.420.115.521	70.946.071.643
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	170.420.115.521	70.946.071.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	37.665.348	37.665.348
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.525	1.884

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	972.788.771.279	858.508.771.556
Chi phí nhân công	147.905.274.840	98.371.988.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.709.585.151	3.596.867.656
Chi phí dự phòng	(39.000.000)	(33.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.565.110.950	175.747.687.826
Chi phí khác bằng tiền	48.214.352.155	41.786.881.867
	1.334.144.094.375	1.177.979.197.319

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.185.729.792	-	-	414.185.729.792
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.658.805.209	-	-	6.658.805.209
Các khoản đầu tư tài chính	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000
	560.844.535.001	-	-	560.844.535.001
Tại ngày 01/01/2025 (sau điều chỉnh)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.834.501.332	-	-	398.834.501.332
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.355.162.688	-	-	7.355.162.688
Các khoản đầu tư tài chính	165.684.860.441	-	-	165.684.860.441
	571.874.524.461	-	-	571.874.524.461

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	230.671.476	461.342.949	-	692.014.425
Phải trả người bán, phải trả khác	355.850.858.459	-	-	355.850.858.459
Chi phí phải trả	6.671.465.960	-	-	6.671.465.960
	362.752.995.895	461.342.949	-	363.214.338.844
Tại ngày 01/01/2025 (sau điều chỉnh)				
Vay và nợ	230.671.476	692.014.425	-	922.685.901
Phải trả người bán, phải trả khác	460.623.666.602	-	-	460.623.666.602
Chi phí phải trả	5.098.455.222	-	-	5.098.455.222
	465.952.793.300	692.014.425	-	466.644.807.725

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin liên quan đến việc Ký kết hợp đồng thuê đất thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4

1. Kết thúc dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013.

- Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển được phê duyệt theo Quyết định phê duyệt dự án số 01/QĐ-DHDCĐ ngày 08/04/2015 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.291,6 tỷ VND. Tổng giá trị ước thực hiện của Dự án là 99,99 tỷ VND (Bao gồm chi phí thuê đất và hạ tầng kỹ thuật; Chi phí tư vấn; Chi phí quản lý dự án; Chi phí xây dựng; Chi phí khác). Dự án đã được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013.
- Ngày 31/05/2013, Công ty đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 (Sau đây gọi tắt là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4) hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 để thuê lại 227.020m² đất tại Khu B - Khu Công nghiệp Bim Sơn để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển nêu trên.
- Ngày 30/11/2013, Công ty HUD 4 đã bàn giao mặt bằng cho Công ty với tổng diện tích là 227.020 m².
- Tuy nhiên, do vướng mắc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch của tỉnh Thanh Hóa đối với Khu Công nghiệp Bim Sơn, nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 chưa hoàn thành thủ tục để Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của khu đất cho thuê. Và đến ngày 06/02/2018 sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 4 đã thực hiện điều chỉnh diện tích đất thuê từ 227.020 m² xuống còn 225.421,1 m². Do đó, ngày 06/01/2022, Công ty đã nộp đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 tại Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn (nay là phường Bim Sơn), tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 05/09/2022, Công ty đã nhận được Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, trong đó buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 phải bồi thường cho Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.
- Đến ngày 31/5/2023, Công ty đã nhận được Quyết định số 135/QĐ-BQLKKTNS & KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; và Quyết định số 140/QĐ-BQLKKTNS& KCN ngày 18/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Ngày 22/04/2025, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt về thực dưng thực hiện, quyết toán và thanh lý Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa (Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013) theo Quyết định số 03/QĐ-DHDCĐ.

2. Triển khai dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 ngày 23/07/2025

- Ngày 22/04/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã phê duyệt chủ trương tiếp tục đầu tư di dời Công ty theo tờ trình số 45/TTr-PLVĐ của Hội đồng quản trị.
 - Ngày 26/06/2025, Công ty cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 đã ký kết Hợp đồng sơ bộ về việc thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật lô CN7 dự án Khu B - KCN Bim Sơn để xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển theo phê duyệt chủ trương tiếp tục đầu tư di dời Công ty.
 - Ngày 23/07/2025, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 106666775 cho dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.
 - Ngày 04/08/2025, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết 88/NQ-HDQT ngày 04/08/2025 phê duyệt nội dung dự thảo Hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4.
 - Ngày 04/08/2025, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng số 04/2025/HĐTĐ/HUD4-VADFCO với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 về việc Thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại Lô CN7, Khu B - Khu Công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để tiếp tục triển khai dự án Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển với nội dung cụ thể như sau:
- + Vị trí khu đất: Lô đất CN7 thuộc bản vẽ mặt bằng quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 19/07/2021.
 - + Diện tích khu đất: 225.421,1 m²;
 - + Thời hạn thuê: đến hết ngày 24/09/2058;
 - + Đơn giá thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê: 1.347.000 đồng/m²;

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện thanh toán 95% hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4. Dự án mới được thực hiện trên lô đất hoàn toàn mới khác với lô đất của dự án cũ (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013) và không kế thừa được các chi phí đầu tư dở dang đã bỏ là 24,709 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa ghi nhận khoản tổn thất nào do đang trong quá trình kiểm tra và đánh giá tổn thất đưa ra phương án khắc phục phù hợp.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Sản phẩm Phân lân nung chảy	Sản phẩm NPK các loại	Sản phẩm khác: cân thuê, vỏ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.384.827.868.803	223.664.359.368	5.415.338.923	1.613.907.567.094
Giá vốn	1.006.454.541.067	193.037.720.807	5.744.019.382	1.205.236.281.256
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	378.373.327.736	30.626.638.561	(328.680.459)	408.671.285.838
Tổng chi phí mua tài sản cố định				696.409.537
Tài sản bộ phận	58.779.667.456	62.315.036.056	10.847.052.188	131.941.755.700
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.080.216.400.881
Tổng tài sản	58.779.667.456	62.315.036.056	10.847.052.188	1.212.158.156.581
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	554.527.702.535
Tổng nợ phải trả	-	-	-	554.527.702.535

Theo khu vực địa lý:

	Miền Bắc	Miền Trung, Tây Nguyên, Miền Nam	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	264.399.699.115	1.326.057.651.349	23.450.216.630	1.613.907.567.094

Công ty bán hàng cho các khách hàng trên cả nước và không phân tách theo đối chủ tiết tài sản, nợ phải trả theo khu vực địa lý.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật Hóa Chất	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	322.430.240.100	219.591.813.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	181.651.751.000	60.340.500
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	140.778.489.100	219.531.472.500
Mua hàng	191.627.550.332	247.151.914.507
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	191.627.550.332	150.439.850.707
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	96.223.308.800
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	-	488.755.000
Chi trả cổ tức bằng tiền	34.472.484.000	34.472.484.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	25.256.887.000	25.256.887.000
Công ty TNHH Hoàng Ngân	9.215.597.000	9.215.597.000
Doanh thu tài chính - chiết khấu thanh toán	-	2.145.089.100
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	2.145.089.100
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí tài chính - chiết khấu thanh toán	-	446.974.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	-	446.974.000
Chi phí bán hàng	47.261.525.500	67.833.421.237
Công ty TNHH Hoàng Ngân	46.351.728.500	66.190.520.250
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hóa chất miền Nam	737.297.000	1.460.340.987
Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật Hóa Chất	172.500.000	182.560.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	744.444.444	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	744.444.444	-
Thu nhập khác	-	7.850.000
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	7.850.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
	Chức vụ	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch	82.500.000	85.500.000
- Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên	64.350.000	66.150.000
- Lê Thị Thu Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/11/2025)	2.925.000	-
- Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/11/2025) (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	39.780.000	-
- Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	21.645.000	66.150.000
		211.200.000	217.800.000
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Thị Mạch	Trưởng ban	581.986.441	329.044.929
- Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	54.450.000	55.350.000
- Nguyễn Xuân Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/04/2024)	54.450.000	49.500.000
- Nguyễn Thị Văn Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	12.000.000
		690.886.441	445.894.929
Tiền lương, thưởng từ quỹ lương (số thuần) của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Văn Hồng Sơn	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.151.754.783	634.628.418
- Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	732.069.140	441.603.970
- Nghiêm Đức Toán	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/09/2024)	656.845.307	102.361.836
- Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	716.761.751	436.937.405
- Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng	551.495.701	332.179.262
		3.808.926.682	1.947.710.891

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 căn cứ Văn bản số 02/TB-KTNN ngày 05/01/2026 về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Kiểm toán nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a/ Bảng cân đối kế					
- Phải thu ngắn hạn khác	136	4.866.316.588	7.345.948.688	2.479.632.100	(1)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.429.631.912	13.375.960.847	(53.671.065)	(2)
- Tài sản cố định hữu hình	221	7.366.891.100	7.535.056.891	168.165.791	(3)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	25.039.578.740	25.332.612.740	293.034.000	(4)
- Chi phí trả trước dài hạn	261	1.684.773.038	2.181.792.482	497.019.444	(5)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.032.734.391	4.796.343.404	2.763.609.013	(6)
- Phải trả ngắn hạn khác	319	452.596.020.874	443.165.581.706	(9.430.439.168)	(7)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	63.771.735.294	73.822.745.719	10.051.010.425	(8)
b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Giá vốn hàng bán	11	940.181.789.054	940.067.294.328	(114.494.726)	(2) và (3)
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	280.091.071.863	280.205.566.589	114.494.726	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.757.527.541	31.920.508.097	(837.019.444)	(4) và (5)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	76.074.302.700	77.025.816.870	951.514.170	
- Thu nhập khác	31	44.525.098	11.907.630.366	11.863.105.268	(1), (4) và (7)
- Lợi nhuận khác	40	44.523.823	11.907.629.091	11.863.105.268	
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	76.118.826.523	88.933.445.961	12.814.619.438	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11.371.474.410	14.135.083.423	2.763.609.013	(6)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	60.895.061.218	70.946.071.643	10.051.010.425	(8)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
- Lợi nhuận trước thuế	01	76.118.826.523	88.933.445.961	12.814.619.438	(9)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17.606.913.839	15.174.247.739	(2.432.666.100)	(9)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	411.159.896.366	401.221.291.407	(9.938.604.959)	(9)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	57.604.710.663	57.161.362.284	(443.348.379)	(9)

- (1) Điều chỉnh tăng khoản bồi thường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/09/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn;
- (2) Điều chỉnh giảm Chi phí chế tạo hệ thống xử lý nước thải Ventury đủ điều kiện ghi nhận tăng tài sản cố định;
- (3) Điều chỉnh tăng tài sản hệ thống xử lý nước thải Ventury đủ điều kiện ghi nhận tăng tài sản cố định;
- (4) Điều chỉnh tăng chi phí pháp lý liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển. Đồng thời điều chỉnh giảm khoản tiền bồi thường của HUD4 được hưởng theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/09/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn;
- (5) Điều chỉnh tăng các công cụ dụng cụ xuất dùng do chưa đảm bảo nguyên tắc nhất quán trong việc phân bổ chi phí công cụ dụng cụ;
- (6) Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung sau các điều chỉnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm;
- (7) Điều chỉnh giảm ghi nhận khoản thu nhập khác đối với khoản tiền bồi thường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 theo Bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/09/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Bim Sơn đã nhận được;
- (8) Điều chỉnh tăng do thay đổi kết quả kinh doanh sau khi điều chỉnh các chỉ tiêu trên;
- (9) Ảnh hưởng từ điều chỉnh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán thay đổi.

Người lập biểu

Duy

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

T

Nguyễn Thị Sen

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Văn Hồng Sơn